

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DMC
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 39/2018/DS-ST
Ngày: 07-11-2018
V/v tranh chấp đòi lại tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DMC - TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Tòng

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Bà Trịnh Thúy Cơ;
2. Ông Trần Hữu Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện DMC.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện DMC tham gia phiên tòa:
Ông Phan Thanh Nhã – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện DMC, Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **61**/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1937; địa chỉ cư trú: Số nhà E5/2, ấp TX, xã TH, huyện HT, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Phạm Quốc Th, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã TH, huyện HT, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 18-01-2018); có mặt.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1970; anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Số 102, ấp NH 1, xã CL, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2018 của ông Phạm Văn T và quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Quốc Th là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ông và vợ là bà Phan Thị S có số tiền 400.000.000 đồng nhưng người con tên Phạm Hoàng Ph đã chiếm dụng số tiền này, sau đó Ph đã đồng ý trả lại cho vợ chồng ông số tiền 390.000.000 đồng.

Ngày 10-3-2014 bà S làm giấy thỏa thuận giao cho ông giữ số tiền 390.000.000 đồng để lo việc ốm đau cho bà S. Tại thời điểm này do bà S bị bệnh nên ông giao số tiền 390.000.000 đồng cho vợ chồng người con gái là chị Phạm Thị Thu H, anh Nguyễn Thanh L gửi tại Ngân hàng Sacombank; khi giao tiền cho chị H có làm giấy nhận nhưng chị H giữ không có đưa cho ông. Ngày 05-5-2014 bà S mất, ông yêu cầu chị H, anh L trả lại cho ông số tiền 390.000.000 đồng nhưng anh chị không đồng ý nên ông khởi kiện yêu cầu trả số tiền trên.

Đến ngày 29-6-2018 ông T khấu trừ chi phí chữa bệnh và tang sự của bà S hết số tiền là 90.000.000 đồng, còn lại số tiền 300.000.000 đồng chị H, anh L vẫn còn gửi tại Ngân hàng Sacombank nên yêu cầu bị đơn hoàn trả lại số tiền này; tại biên bản hòa giải cùng ngày ông đồng ý khấu trừ số tiền đã chi phí cho bà S tổng cộng là 190.000.000 đồng, yêu cầu chị H, anh L trả lại số tiền còn lại 200.000.000 đồng.

Đến ngày 04-10-2018 Anh Th đại diện cho ông T xác định số tiền 390.000.000 đồng là tài sản chung của ông T, bà S nên yêu cầu chị H trả lại cho ông T $\frac{1}{2}$ số tiền trên là 195.000.000 đồng.

Chị Phạm Thị Thu H trình bày:

Số tiền 390.000.000 đồng là tiền riêng của mẹ chị - bà Phan Thị S; khoảng thời gian năm 2014 bà S ở cùng với vợ chồng chị để tiện việc chăm sóc cho mẹ khi bệnh. Bà S ủy quyền cho chị rút số tiền 390.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín Chi nhánh Tây Ninh, chị rút tiền và giao cho bà S số tiền 390.000.000 đồng; bà S tự sử dụng, chi tiêu số tiền này; việc bà S chi các khoản tiền nào do bà S tự quyết định, chị không rõ; đến khi bà S chuẩn bị mất có giao cho chị số tiền là 190.000.000 đồng.

Sau khi bà S mất, số tiền 190.000.000 đồng này chị công khai với anh chị em ruột trong gia đình biết và thống nhất giao cho chị trực tiếp chi phí lo đám tang; xây mộ mã; tổ chức các lễ tuần cửu, tiểu tường, đại tường; đám giỗ hàng năm cho bà S; chi phí tiền nhang, đèn, hoa quả, tiền điện hàng tháng tại nhà của bà S. Tất cả các khoản chi về số tiền 190.000.000 đồng chị đã nộp chi tiết cho Tòa án và đến nay đã hết tiền. Do đó, chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Anh Nguyễn Thanh L trình bày:

Anh là chồng của chị H. Số tiền mà ông T, bà S bán đất tổng cộng là 800.000.000 đồng chia ra mỗi người 400.000.000 đồng; phần 400.000.000 đồng bà S giữ để trị bệnh là phần tiền riêng của bà S vì ông T sống với người phụ nữ khác không quan tâm đến bà S trong khoảng thời gian dài nhiều năm. Anh Th là cháu ruột ông T nhưng từ trước đến nay không thân thiết qua lại với gia đình nên không rõ về hoàn cảnh gia đình của ông T, bà S. Anh thống nhất với ý kiến của chị H, không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

+ Anh Th đồng ý toàn bộ số tiền chị H đã chi phí lo cho bà S khi bà S mất cho đến nay là 190.000.000 đồng; anh thừa nhận có việc ông T, bà S chuyển nhượng đất được số tiền 800.000.000 đồng và chia mỗi người 400.000.000 đồng; yêu cầu bị đơn hoàn trả cho ông T số tiền 195.000.000 đồng.

+ Chị H, anh L không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ; tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tài sản vì cho rằng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình, căn cứ khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp đòi lại tài sản.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông T thấy rằng:

Khi làm đơn khởi kiện ông T yêu cầu chị H, anh L hoàn trả số tiền 390.000.000 đồng; quá trình giải quyết vụ án ông T, Anh Th thay đổi yêu cầu lần lượt là số tiền 300.000.000 đồng, số tiền 200.000.000 đồng và số tiền 195.000.000 đồng; việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện nhiều lần vì cho rằng do chị H, anh L và ông T đã nhiều lần thỏa thuận nhưng không được và ông T chưa khấu trừ các chi phí cụ thể mà chị H đã chi sau khi bà Phan Thị S mất. Đây không phải lý do chính đáng của việc thay đổi yêu cầu nhiều lần mà do nguyên đơn hoàn toàn không biết khi bà S còn sống đã chi dùng bao nhiêu tiền và khi bà S mất còn lại bao nhiêu tiền, đã chi phí vào các khoản cụ thể nào. Xét thấy nguyên đơn khởi kiện phải có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp thể hiện ông T có quyền đòi lại tài sản khi yêu cầu đòi lại tài sản từ bị đơn. Tuy nhiên, căn cứ vào giấy thỏa thuận do nguyên đơn cung cấp được lập ngày 10-3-2014 (bút lục số 61) có nội dung: “Ngày 10-3-2014 bà Phan Thị S có gửi tiết kiệm số tiền 390.000.000 đồng tại ngân hàng Sài Gòn thương tín.... Nay các bên thống nhất giao số tiết kiệm nêu trên cho ông Phạm Văn T tạm giữ không được tự ý rút số

tiền trên cho đến khi họp gia đình để quyết định đối với số tiền 390.000.000 đồng. Nếu có nhu cầu rút tiền thì phải thông báo cho bà Phan Thị S và tất cả các con được biết”. Như vậy có cơ sở xác định số tiền 390.000.000 đồng không phải là tiền chung của ông T, bà S; ông T không có quyền rút, sử dụng số tiền trên khi chưa có ý kiến của bà S và các con; đồng thời ông T cũng thừa nhận số tiền này được dùng để lo việc đau ốm cho bà S và tại phiên tòa Anh Th xác nhận có việc ông T, bà S chuyển nhượng đất được số tiền 800.000.000 đồng; ông T, bà S chia mỗi người 400.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở khẳng định bà S là người có toàn quyền sử dụng đối với số tiền 390.000.000 đồng và sự thật bà đã ủy quyền cho chị H trong việc rút tiền tại Ngân hàng về giao lại cho bà (bút lục số 60). Những tình tiết này phù hợp với lời trình bày của chị Phạm Thị H, anh Phạm Công D là con ruột của bà S, ông T tại các bút lục số 52, 53, 59.

Từ phân tích trên, xác định số tiền 390.000.000 đồng là tiền riêng của bà S, phần tiền riêng của ông T có được từ việc vợ chồng chuyển nhượng đất đất thì chị H còn giữ và trả tiền lãi cho ông T như chị H xác nhận. Sở dĩ có việc phân chia tiền chuyển nhượng đất mỗi người 400.000.000 đồng là vì mối quan hệ hôn nhân của ông T, bà S không được hạnh phúc vì ông T không chung thủy, không thường xuyên sống tại nhà nên chưa làm tròn trách nhiệm đối với gia đình, không quan tâm bà S trong một thời gian kéo dài 7-8 năm đến cả khi bà S bệnh nặng vào thời điểm năm 2014 cũng không chăm sóc; bà S biết được việc ông có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên sinh bệnh kéo dài nhiều năm, nằm viện chữa trị nhiều nơi kéo dài có khi từ 1-2 tháng đều do các con chăm lo. Điều này được con ruột của ông T, bà S là chị Phạm Thị H, sinh năm 1961, sống cạnh nhà của cha mẹ tại địa chỉ ấp TX, xã TH, huyện HT, tỉnh Tây Ninh và anh Phạm Công D, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Kp 4, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Tây Ninh xác nhận tại các bút lục số 52, 53, 59.

Về phía bị đơn xác nhận khi bà S mất số tiền còn lại là 190.000.000 đồng, sự việc này được công khai cho anh chị em trong gia đình đều biết và số tiền này được sử dụng chi phí lo đám tang, các lễ theo thủ tục tín ngưỡng tôn giáo tại địa phương và cúng giỗ hàng năm cho bà S đến nay đã hết. Sự việc này cũng được chị H, anh D xác nhận và từ thời điểm bà S mất cho đến nay anh chị em trong gia đình không ai có ý kiến, tranh chấp gì đối với số tiền của bà S. Mặc khác, người đại diện của nguyên đơn không đồng ý các tài liệu do chị H cung cấp nhưng lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho sự phản đối của mình và tại phiên Tòa thì Anh Th đồng ý số tiền chi phí này tổng cộng là 190.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp số tiền chi phí là 190.000.000 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí theo quy định khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, cụ thể: $195.000.000 \times 5\% = 9.750.000$ đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T về “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

2. Án phí DSST: Ông Phạm Văn T phải chịu **9.750.000 đồng**, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 9.750.000 đồng ông đã nộp tại Biên lai thu số 0010505 ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh; ông T đã nộp xong.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- THADS Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã Ký)

Trần Thanh Tòng